

Bản án số: 611/2017/DS-ST

Ngày: 08/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 04 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 204/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: phố T, phường T, quận H, TP. Hà Nội

Đại diện ủy quyền: Ông Hoàng Đình H (xin vắng mặt)

(giấy ủy quyền ngày 31.3.2017).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu D

Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 03 năm 2017 và bản tự khai ngày 19/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/9/2014, Ngân hàng V có ký Hợp đồng số 20140920-100084-0001 với bà Nguyễn Thị Thu D để cho vay số tiền 28.297.607 đồng, lãi suất 5%/tháng,

mục đích vay tiêu dùng, phương thức cho vay trả góp, thời hạn vay 24 tháng. Theo thỏa thuận thì bà D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi là 50.083.000 đồng, mỗi tháng trả 2.051.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.910.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/11/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã thanh toán cho Ngân hàng 06 kỳ với số tiền là 14.856.000 đồng, Nhưng từ ngày 30/9/2016 đến nay bà D không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào nữa mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ đến hạn là:

50.083.000 đồng – 14.856.000 đồng = 35.227.000 đồng.

Trong đó nợ gốc là 21.781.938 đồng, lãi là tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 01/10/2016 là 13.445.062 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D thừa nhận ngày 20/9/2014 bà có ký Hợp đồng số 20140920-100084-0001 với Ngân hàng V để cho vay số tiền 28.297.607 đồng, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, phương thức cho vay trả góp, thời hạn vay 24 tháng. Theo thỏa thuận thì bà có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi là 50.083.000 đồng, mỗi tháng trả 2.051.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.910.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/11/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà đã thanh toán cho Ngân hàng 06 kỳ với số tiền là 14.856.000 đồng, Nhưng từ ngày 30/9/2016 đến nay bà không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng nữa. Nay bà đồng ý trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc là 21.781.938 đồng, lãi là tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 01/10/2016 là 13.445.062 đồng nhưng bà xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng V và bà Nguyễn Thị Thu D là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại huyện H, căn cứ vào khoản 14 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, theo hồ sơ vụ án phía nguyên đơn yêu cầu bà D có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền nợ gốc đến hạn là 21.781.938 đồng, lãi từ ngày 01/5/2015 đến ngày 01/10/2016 là

13.445.062 đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 20/9/2014 giữa Ngân hàng và bà D có ký kết hợp đồng số 20140920-100084-0001, Ngân hàng cho bà D vay số tiền 28.297.607 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 5%/tháng, tổng cộng số tiền bà D phải trả cho Ngân hàng gốc và lãi là 50.083.000 đồng. Tính đến ngày 30/9/2016 bà D đã trả cho Ngân hàng số tiền 14.856.000 đồng. Do đó, bà D còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 21.781.938 đồng. Vì vậy, yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền lãi, các bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, đại diện nguyên đơn yêu cầu bà D có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 01/10/2016 số tiền lãi là 13.445.062 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn được chấp nhận.

Xét ý kiến của bà D, bà đồng ý trả cho Ngân hàng số nợ trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Hội đồng xét thấy, tại phiên tòa, phía nguyên đơn xin được vắng mặt và giữ nguyên ý kiến tại các biên bản làm việc tại tòa án là yêu cầu bà D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ trên một lần ngay sau khi án có hiệu lực. Như vậy việc xin trả dần của bà D sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của phía nguyên đơn. Do đó yêu cầu của bà D không được chấp nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát trùng khớp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm bà D phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 35.227.000 (ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn) đồng, trong đó số tiền gốc là 21.781.938 đồng, tiền lãi là 13.445.062 đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu D chịu 1.761.350 (một triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn ba trăm năm mươi) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền 880.675 đồng, theo biên lai thu số 0030586 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSNDHH;
- THA DS HH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng